

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hoàng.
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Quân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 13/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 600/2018TLST-HNGĐ ngày 29/5/2018 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2018, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1973.
2. *Bị đơn:* Ông Phan Văn T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

(Bà G có mặt, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29/5/2018 và những lời khai tiếp bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà và ông Phan Văn T chung sống với nhau vào năm 1993, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà G cho rằng do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên bà và ông T đã

ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn.

Về con chung: Bà G khai quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung là Phan Văn N, sinh năm 1994 và Phan Thị C sinh năm 1996. Hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị G khai không có.

Ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai, ông xác nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản và nợ như lời trình bày của bà G là đúng. Nay chị G xin ly hôn, ông đồng ý.

Tại phiên tòa, bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai công khai tại phiên tòa, trên cơ sở trình bày của đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng,*

Ông Phan Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung,*

Theo bà G trình bày thì bà và ông T chung sống với nhau vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn. Ủy ban nhân dân xã B cũng có văn bản xác nhận là bà G và ông T có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc bà G và ông T chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà G xin ly hôn, ông T cũng có ý kiến là đồng ý ly hôn nhưng do cả hai sống chung với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Tòa án phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên không công nhận bà G và ông T là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Phan Văn N, sinh năm 1994 và Phan Thị C sinh năm 1996. Hiện các con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ: Quá trình chung sống bà G và ông T đều thống nhất khai không có nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 222, 225, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 14, 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị G và ông Phan Văn T là quan hệ vợ chồng.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002993 ngày 29/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

Án xử sơ thẩm tuyên án công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phan Văn T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức